

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên khoáng sản; nước thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Xét đề nghị của Liên ngành Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài chính - Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 471/TTr-LN ngày 20/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tối thiểu làm cơ sở để tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên khoáng sản; nước thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Kon Tum (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Mức giá quy định tại Điều 1 của Quyết định này là mức giá tối thiểu để tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật hiện hành, không có giá trị thanh toán.

Trường hợp giá bán ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp cao hơn giá quy định tại Quyết định này thì giá tính thuế là giá ghi trên hóa đơn bán hàng; trường hợp giá bán ghi trong hóa đơn bán hàng thấp hơn giá quy định tại Quyết định này thì tính theo giá quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Khi giá cả có biến động tăng hoặc giảm từ 20% trở lên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh tham mưu trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh kịp thời.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục Trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 về việc Quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản quặng sắt khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 về việc Quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên khoáng sản: đất, đá, cát, sỏi; nước thiên nhiên; vàng sa khoáng trên địa bàn tỉnh Kon Tum./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL(Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Thuế;
- Kiểm toán Nhà nước; |
- TT Tỉnh ủy (thay b/c);
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Kon Tum;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Kon Tum;
- Lưu: VT, KTN3, KTTH2, KSTTHC1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hùng

PHỤ LỤC

Giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên khoáng sản; nước thiên nhiên.

(Kèm theo Quyết định số 60 /2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Nhóm, loại tài nguyên	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
I	Đá xây dựng			
1	Đá hộc (đá nguyên khai sau khai thác tại mỏ chưa tuyển chọn)	Đồng/m ³	110.000	
2	Đá chẻ (1m ³ tương đương 100 viên)	Đồng/viên	3.400	
II	Đất			
1	Đất san lấp công trình, cấp phối đồi	Đồng/m ³	15.000	
2	Đất sét sản xuất gạch, ngói	Đồng/m ³	35.000	
III	Cát, sỏi			
1	Cát san lấp	Đồng/m ³	55.000	
2	Cát xây dựng	Đồng/m ³	60.000	
3	Sỏi, cuội	Đồng/m ³	80.000	
IV	Than bùn			
1	Than bùn	Đồng/tấn	100.000	
V	Nước thiên nhiên			
1	Nước khoáng đóng chai, đóng hộp	Đồng/m ³	500.000	
2	Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	Đồng/m ³	300.000	